TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số:25/2021/DS-ST
Ngày: 02-3-2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Thông;

2/ Bà Trần Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Diễm là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Thưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 151/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-DS ngày 12/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-DS ngày 02/02/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1971; Địa chỉ: Khối phố 1, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bạch Thanh V, sinh năm 1971; Địa chỉ: Khối phố 1, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

- Bị đơn: Ông Huỳnh T, sinh năm 1971; HKTT: Khối phố 6, phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; Hiện trú tại: Tổ 1, khối phố P, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/09/2020 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/8/2019 bà Nguyễn Thị D có cho ông Huỳnh T mượn số tiền 30.000.000đ, thời hạn là 06 tháng, mục đích để kinh doanh. Việc mượn tiền được ký kết tại Văn phòng công chứng T và được lập thành hợp đồng mượn tiền có công chứng. Tại thời điểm mượn thì bà Nguyễn Thị D đã giao cho ông Huỳnh T số tiền 30.000.000đ. Đến nay đã quá thời hạn và bà D đã nhiều lần yêu cầu ông T trả nợ nhưng ông T cứ hẹn hết lần này đến lần khác. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh T phải trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 30.000.000đ, không yêu cầu lãi.

- Tại Biên bản ghi lời khai, bị đơn trình bày:

Năm 2019 ông Huỳnh T có vay của bà Nguyễn Thị D số tiền 30.000.000đ, không nhớ thời hạn vay là bao lâu. Việc vay mượn được lập thành hợp đồng mượn tiền, được Văn phòng công chứng T công chứng. Tuy nhiên, thực tế thì là vay có lãi với mức lãi suất 700.000đ/10.000.000đ/tháng và ông T đã trả lãi cho bà D nhưng không rõ trả bao nhiêu và cũng không có chứng cứ gì chứng minh việc đã trả lãi. Hiện nay, bà D khởi kiện yêu cầu trả số nợ 30.000.000đ thì ông T đồng ý trả, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên hẹn đến tháng 6/2021 sẽ trả.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Bị đơn không chấp hành triêu tập của Tòa án, vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Huỳnh T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị D số tiền nợ vay là 30.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Huỳnh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của BLTTDS năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Theo lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: Ngày 28/8/2019, ông Huỳnh T có vay của bà Nguyễn Thị D số tiền 30.000.000đ, thời hạn vay 06 tháng. Việc vay tiền được thể hiện tại Hợp đồng mượn tiền được Văn phòng Công chứng T công chứng ngày 28/8/2019, số công chứng: 2563, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD. Đến nay, ông T chưa trả nợ và đồng ý trả cho bà D số tiền là 30.000.000đ. Đây là chứng cứ được bị đơn thừa nhận nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số nợ 30.000.000đ tiền vay là có căn cứ chấp nhận.

Hợp đồng vay tiền giữa các bên là hợp đồng vay có thời hạn, không có lãi. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi chậm trả, nên không xét. Bị đơn cho rằng mặc dù trong hợp đồng không ghi nghĩa vụ trả lãi, nhưng thực tế bị đơn trả lãi 700.000đ/10.000.000đ tiền gốc /tháng. Tuy nhiên, bị đơn không xác định được số tiền lãi đã trả, không có chứng cứ chứng minh việc trả lãi; nguyên đơn không thừa nhận vay có lãi như bị đơn trình bày. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét đối với số tiền lãi đã trả theo lời khai của bị đơn.

Đối với yêu cầu gia hạn thời hạn trả nợ của bị đơn đến tháng 6/2021, đề nghị này không được nguyên đơn đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, buộc ông Huỳnh T phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị D số tiền nợ vay là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

[3] Về án phí: Ông Huỳnh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Huỳnh T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị D số tiền vay gốc còn nợ là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Huỳnh T không thanh toán khoản tiền trên, thì phải chịu lãi chậm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Án phí: Ông Huỳnh T phải chịu là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000841, ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (02-3-2021). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Tam Kỳ;
- Tòa án tỉnh, VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Sinh